

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 06/2003/QĐ-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2003

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

***Ban hành Quy định
về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.***

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996.

*Căn cứ Nghị định số 76/2000/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết việc
thi hành Luật Khoáng sản (sửa đổi).*

*Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và các mẫu hồ sơ, giấy phép hoạt động khoáng sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quyết định này thay thế Quyết định số 17/2001/QĐ-BCN ngày 23 tháng 3 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành "Quy định thủ tục về giấy phép hoạt động khoáng sản (sửa đổi)".

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

Về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2003/QĐ-BTNMT ngày 19/09/2003

của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, cho phép trả lại giấy phép khảo sát khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác và giấy phép chế biến khoáng sản; cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản hoặc tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản trong trường hợp thừa kế hợp pháp (dưới đây gọi chung là cấp giấy hoạt động khoáng sản) và đăng ký các hoạt động khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước về khoáng sản và các cơ quan khác có liên quan; tổ chức kinh tế Việt Nam được thành lập, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo pháp luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam khi xin cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Điều 3. Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp các loại giấy phép sau đây:

- a) Giấy phép khảo sát khoáng sản;
- b) Giấy phép thăm dò khoáng sản;
- c) Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản các loại, trừ giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại khoản 2 Điều này.
- d) Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong trường hợp cấp cho tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp các loại giấy phép sau đây:

- a) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản các loại đối với các khu vực khai thác tận thu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt;
- b) Giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn cho tổ chức trong nước (kể cả đối với khu vực giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy phép thăm dò và phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò .

Chương II

GIẤY PHÉP KHẢO SÁT KHOÁNG SẢN

Điều 4. Hồ sơ xin cấp giấy phép khảo sát khoáng sản

Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn xin cấp giấy phép khảo sát khoáng sản. (Mẫu số 1), kèm theo bốn (4) bộ bản đồ khu vực khảo sát. Ranh giới khu vực khảo sát khoáng sản được khoanh định theo ô vuông, mỗi ô có kích thước 1km x 1 km trên nền bản đồ địa chính có tỷ lệ không nhỏ hơn 1: 100.000 theo hệ thống tọa độ vuông góc VN 2000 (Mẫu số 2);
2. Đề án khảo sát khoáng sản, trong đó nêu rõ cơ sở địa chất và các loại khoáng sản là đối tượng khảo sát, phương pháp và khối lượng khảo sát; thời hạn, tiến độ, dự toán chi phí khảo sát và nguồn tài chính;
3. Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng Nhà nước của tổ chức xin cấp giấy phép khảo sát khoáng sản.

Điều 5. Hồ sơ xin gia hạn giấy phép khảo sát khoáng sản

Hồ sơ xin gia hạn phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn ba mươi (30) ngày, bao gồm:

1. Đơn xin gia hạn (Mẫu số 3);
2. Báo cáo kết quả khảo sát khoáng sản và khối lượng công trình, kinh phí đã thực hiện đến thời điểm xin gia hạn.

Trong trường hợp giấy phép khảo sát khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì giấy phép đó tiếp tục có hiệu lực đến thời điểm có quyết định gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

Điều 6. Hồ sơ xin trả lại giấy phép khảo sát khoáng sản

Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn trả lại giấy phép (Mẫu số 4);
2. Báo cáo kết quả khảo sát khoáng sản và khối lượng công trình, kinh phí đã thực hiện đến thời điểm trả lại giấy phép.

Chương III**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN****Điều 7. Hồ sơ xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản**

Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 5);
2. Đề án thăm dò khoáng sản lập theo quy định, kèm theo bốn (4) bộ bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản lập trên nền bản đồ địa hình hệ thống tọa độ vuông góc VN 2000 theo nguyên tắc:

a) Ranh giới khu vực thăm dò khoáng sản diện tích từ 1 kilômét vuông (1 km^2) trở lên được khoanh định theo hình ô vuông khép kín trên bản đồ tỷ lệ 1:50 000 (Mẫu số 6);

b) Khu vực thăm có diện tích nhỏ hơn một kilômét (1 km^2) khoanh định trên bản đồ tỷ lệ không nhỏ hơn 1: 50 000 (Mẫu số 6a).

3. Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư (nếu có) có chứng thực của Công chứng Nhà nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

Điều 8. Hồ sơ xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

Hồ sơ xin gia hạn phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn ba mươi (30) ngày, bao gồm:

1. Đơn xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 7);
2. Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng và chi phí thăm dò đã thực hiện; chương trình, khối lượng công việc và dự toán chi phí thăm dò tiếp tục;
3. Bản đồ khu vực thăm dò, trong đó đã loại trừ ít nhất ba mươi phần trăm (30%) diện tích theo giấy phép được cấp giấy trước đó.

Trong trường hợp giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hạn nhưng hồ sơ xin gia hạn đang được xem xét thì giấy phép đó tiếp tục có hiệu lực đến thời điểm được gia hạn hoặc có văn bản trả lời giấy phép không được gia hạn.

Điều 9. Hồ sơ xin trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn xin trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 8) hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản (Mẫu số 9);
2. Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, khối lượng công trình và chi phí thăm dò đã thực hiện đến thời điểm trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích ghi trong giấy phép;
3. Bản đồ khu vực tiếp tục thăm dò; khối lượng công trình, dự toán và chương trình thăm dò tiếp tục (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích thăm dò).

Điều 10. Hồ sơ xin chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn xin chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 10) kèm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản và bản kê giá trị tài sản sẽ chuyển nhượng;

2. Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình, chi phí đã thực hiện và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định đã hoàn thành đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền thăm dò;

3. Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là tổ chức trong nước hoặc bản sao giấy phép đầu tư (nếu có) có chứng thực của Công chứng Nhà nước đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài.

Việc chuyển nhượng quyền thăm dò được chấp thuận bằng việc cấp giấy phép thăm dò thay thế giấy phép thăm dò đã cấp.

Điều 11. Hồ sơ xin tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản

Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 11) ; báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình, chi phí đã thực hiện và chương trình tiếp tục thăm dò;
2. Bản sao văn bản pháp lý có chứng thực của Công chứng Nhà nước chứng minh tổ chức, cá nhân thừa kế hợp pháp quyền thăm dò khoáng sản;
3. Bản sao văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân có chứng thực của Công chứng Nhà nước của tổ chức được thừa kế hợp pháp.

Việc cho phép tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản được chấp thuận bằng việc cấp giấy phép thăm dò cho tổ chức thừa kế hợp pháp, thay thế giấy phép đã cấp.

Chương IV

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 12. Hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 12 hoặc Mẫu số 12a), kèm theo bốn (4) bộ bản đồ khu vực khai thác khoáng sản lập trên nền bản đồ địa hình có tỷ lệ không nhỏ hơn 1: 5000, hệ thống tọa độ vuông góc VN 2000 (Mẫu số 13 hoặc Mẫu số 13 a).
2. Quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò và trữ lượng khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định;
3. Báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt theo quy định;
4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;